

Bản án số: 37/2024/HNGĐ - ST

Ngày: 02 - 4 - 2024.

V/v ly hôn giữa anh M và chị T

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGHĨA HƯNG TỈNH NAM ĐỊNH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông Phạm Hùng Phương.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Dương Thị Vui.

2. Ông Vũ Mạnh Toàn.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Vũ Tuấn Tú – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hưng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghĩa Hưng tham gia phiên tòa:** Ông Trần Thế Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hưng mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 05/2024/TLST - HNGĐ ngày 09 tháng 01 năm 2024. Về tranh chấp xin ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2024 và quyết định hoãn phiên tòa số: 09/2024/QĐST – HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2024 giữa:

* Nguyên đơn: Anh Đỗ Tiến M - Sinh năm 1985;

Địa chỉ: Đ, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

* Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Hồng T - Sinh năm 1990;

Nơi ĐKKHKT: Đội 7, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

Chỗ ở hiện nay: Không có địa chỉ (Đã bị tuyên bố mất tích).

Tại phiên tòa có mặt anh M, vắng mặt chị T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện lập ngày 09/01/2024 cũng như lời khai của nguyên đơn anh Đỗ Tiến M tại phiên tòa trình bày: Anh kết hôn với chị Nguyễn Thị Hồng T vào tháng 12/2008 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện N, tỉnh Nam Định. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chung sống hạnh phúc, đến năm

2015 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống không tìm được tiếng nói chung trong hôn nhân dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra xô xát cãi chửi nhau. Đến tháng 8/2015 chị T bỏ nhà đi khỏi địa phương, cắt đứt mọi liên lạc với anh cũng như mọi người trong gia đình. Mặc dù anh và gia đình đã nhiều lần đi tìm kiếm nhưng không có tin tức gì của chị T. Anh đã báo cho chính quyền UBND xã N và nhiều lần anh cùng gia đình đã tìm kiếm nhưng không biết chị T ở đâu, làm gì. Anh đã làm thủ tục thông báo khẩn tìm chị T trên các phương tiện thông tin đại chúng nhưng vẫn không thấy chị T trở về. Ngày 08/12/2023 Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hưng đã mở phiên họp tuyên bố chị Nguyễn Thị Hồng T mất tích. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng giữa anh và chị T không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên anh đề nghị Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hưng xem xét giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị Hồng T.

Về con chung: Anh Đỗ Tiến M xác định trong quá trình chung sống vợ chồng anh có hai con chung là cháu Đỗ Thị Phương T1, sinh ngày 09/6/2008 và cháu Đỗ Duy T2, sinh ngày 09/4/2011 (Hiện cháu T1 và cháu T2 đang do anh M chăm sóc nuôi dưỡng). Ly hôn anh M xin nhận trực tiếp nuôi hai con và không yêu cầu chị T phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

Về tài sản chung: Anh M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Anh M đề nghị giải quyết theo quy định.

Trong quá trình giải quyết vụ án cháu Đỗ Thị Phương T1 và cháu Đỗ Duy T2 đều có quan điểm: Bố mẹ ly hôn cháu xin ở với bố.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên toà phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến xét xử tại phiên toà hôm nay Thẩm Phán thụ lý giải quyết cũng như Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 56; 81; 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 6 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Xử lý hôn giữa anh Đỗ Tiến M và chị Nguyễn Thị Hồng T; về con chung: Giao con chung là cháu Đỗ Thị Phương T1, sinh ngày 09/6/2008 và cháu Đỗ Duy T2, sinh ngày 09/4/2011 cho anh Đỗ Tiến M trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Chị T không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh M; Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh M phải nộp theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Đỗ Tiến M và chị Nguyễn Thị Hồng T đều cư trú tại xã N, huyện N. Nay anh Đỗ Tiến M xin ly hôn chị Nguyễn Thị Hồng T và Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hưng thụ lý giải quyết là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Tại phiên tòa hôm nay mặc dù bị đơn chị Nguyễn Thị Hồng T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do và là lần thứ hai. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị T là phù hợp với khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung: Cuộc hôn nhân giữa anh Đỗ Tiến M và chị Nguyễn Thị Hồng T vào tháng 12/2008, trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã N là một hôn nhân tự do, tiến bộ và có đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn vợ chồng anh M chị Thủy chung sống hạnh phúc, đến năm 2015 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng về quan điểm sống không tìm được tiếng nói chung trong hôn nhân dẫn đến vợ chồng thường xảy ra xô xát cãi chửi nhau. Tháng 8/2015 chị T bỏ nhà, đi khỏi địa phương, cắt đứt mọi liên lạc với anh M cũng như mọi người trong gia đình. Anh M và gia đình đã nhiều lần đi tìm kiếm nhưng không có tin tức gì. Anh đã làm thủ tục thông báo nhả tìm chị T trên các phương tiện thông tin đại chúng nhưng vẫn không thấy chị T trở về. Ngày 08/12/2023 Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hưng đã mở phiên họp tuyên bố chị Nguyễn Thị Hồng T mất tích. Nay anh M xác định tình cảm vợ chồng giữa anh và chị T là không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc đề nghị Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hưng giải quyết vợ chồng được ly hôn. Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên Tòa có quan điểm đề nghị Hội đồng xét xử xử lý hôn giữa anh M và chị T.

Hội đồng xét xử thấy: Mâu thuẫn vợ chồng giữa anh M và chị T đã kéo dài và ngày một trầm trọng không thể hàn gắn. Mặt khác chị T đã bị Tòa án tuyên bố mất tích. Do vậy khả năng đoàn tụ không còn, nay anh M xin ly hôn chị T xét thấy có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Anh Đỗ Tiến M và chị Nguyễn Thị Hồng T có hai con chung là cháu Đỗ Thị Phương T1, sinh ngày 09/6/2008 và cháu Đỗ Duy T2, sinh ngày 09/4/2011 (Hiện cháu T1 và cháu T2 đang do anh M chăm sóc nuôi dưỡng).

Ly hôn anh M xin nhận trực tiếp nuôi hai con chung và không yêu cầu chị T phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

Hội đồng xét xử thấy: Kể từ khi chị T bỏ nhà đi các con chung do anh M trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng vẫn đảm bảo cho sự phát triển của các con. Mặt khác cháu T1 và cháu T2 đều có nguyện vọng xin được ở với anh M. Vì vậy, giao cháu Đỗ Thị Phương T1, sinh ngày 09/6/2008 và cháu Đỗ Duy T2, sinh ngày 09/4/2011 cho anh M trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp.

Về việc cấp dưỡng nuôi con chung anh M không yêu cầu chị T phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung anh là hoàn toàn tự nguyện không trái đạo đức xã hội nên được chấp nhận.

[4] Về tài sản chung vợ chồng: Anh Đỗ Tiến M không yêu cầu Tòa án giải quyết vì vậy không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Đỗ Tiến M phải nộp theo quy định của pháp luật.

[6] Về quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghĩa Hưng là phù hợp.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56; 81; 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 147; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 6 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Q;

1 - Xử lý hôn giữa anh Đỗ Tiến M và chị Nguyễn Thị Hồng T.

2 - Về con chung: Xử giao con chung của vợ chồng là cháu Đỗ Thị Phương T1, sinh ngày 09/6/2008 và cháu Đỗ Duy T2, sinh ngày 09/4/2011 cho anh Đỗ Tiến M trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Chị Nguyễn Thị Hồng T không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh M. Không ai được ngăn cản quyền chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng và thăm nom con chung.

3 - Án phí dân sự sơ thẩm anh Đỗ Tiến M phải nộp 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh M đã nộp theo biên lai số: 0001309 ngày 09/01/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Nghĩa Hưng, anh M đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Báo cho người có mặt biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã Nghĩa Đồng;
- Lưu văn phòng; HSVA.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

Phạm Hùng Phương